

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THU THẬP DỮ LIỆU VÙNG TRỒNG DỰA TRÊN NĂNG LỰC SẴN CÓ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tài liệu xây dựng dựa trên kinh nghiệm triển khai thí điểm tại 4 xã Chiềng Sinh, Pu Nhi, Nậm Lầu và Mường Chanh của tỉnh Điện Biên và Sơn La.

Triệu Bảo Ngọc

1. Truy xuất nguồn gốc tới từng lô đất: Yêu cầu cấp bách của thị trường và thách thức tại địa phương

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, Liên minh Châu Âu chính thức ban hành Quy định số (EU) 2023/1115, còn được biết đến là Quy định về các sản phẩm không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (European Regulation on Deforestation-free Products, viết tắt là EUDR). Theo Quy định này, 07 mặt hàng có rủi ro gây mất rừng, bao gồm gỗ, gia súc, ca cao, cà phê, cọ dầu, cao su và đậu nành, khi nhập khẩu vào Châu Âu cần chứng minh: (1) Quá trình sản xuất không gây mất rừng hoặc suy thoái rừng kể từ sau ngày 31/12/2020; (2) Hàng hóa được sản xuất một cách hợp pháp theo quy định tại quốc gia sản xuất.

Quy định này tạo ra một hiệu ứng dây chuyền mạnh mẽ dọc theo chuỗi cung ứng. Yêu cầu về thông tin và dữ liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc được truyền tải từ các doanh nghiệp châu Âu (đối tượng trực tiếp phải khai báo và trình Tuyên bố thẩm định) đến các doanh nghiệp xuất khẩu, đại lý thu mua và cuối cùng là các nông hộ tại vùng nguyên liệu. Tại Việt Nam, cơ sở dữ liệu vùng trồng về cơ bản vẫn đang nằm trong tình trạng "trắng"[1]. Các ngành hàng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ EUDR - cà phê, cao su, gỗ - đang đứng trước sức ép lớn: hoặc nhanh chóng xây dựng hệ thống dữ liệu số hóa, hoặc chấp nhận mất đi năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Đây không chỉ là thách thức thương mại trước mắt khi thời hạn áp dụng EUDR đang cận kề, mà còn là điểm nghẽn khiến các cơ quan quản lý nhà nước gặp khó khăn trong việc theo dõi, giám sát biến động diện tích

[1] *Tô, X. P., & Hà, C. T. (2026). Tính cấp thiết để xây dựng bộ dữ liệu vùng trồng cho hàng hóa nông lâm sản phục vụ công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc: Cách tiếp cận từ dưới lên.* https://pub-11f428574adc4d41aede46d8289892c0.r2.dev/1782445878169-gallery_20260621_CSDL-vung-trong_final.pdf

vùng trồng theo biến động giá cả thị trường[2]. Một cơ sở dữ liệu vùng trồng "sống, sạch, chuẩn" sẽ giúp các cơ quan quản lý định hướng chiến lược cho doanh nghiệp lựa chọn các vùng trồng có rủi ro thấp, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường khắt khe, từ đó bảo vệ sinh kế và quyền lợi bền vững cho người nông dân.

Từ thời điểm EUDR được công bố tới nay, rất nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam đã chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng cho vùng nguyên liệu cà phê của mình. Tuy nhiên, các bộ dữ liệu này được coi là "tài sản tư nhân" của doanh nghiệp, chưa kể đến việc dữ liệu thiếu đồng bộ về trường thông tin, khiến các đơn vị quản lý nhà nước khó tổng hợp và theo dõi toàn diện chuỗi sản xuất. Điều quan trọng nhất là người nông dân hoàn toàn đứng ngoài cuộc trong câu chuyện dữ liệu này. Họ không hiểu rõ bản chất, không được sở hữu hay tham gia vào quá trình cập nhật dữ liệu sinh kế của chính mình. Điều này dẫn đến sự thiếu tự chủ và thiếu tính bền vững của hệ thống dữ liệu.

Nhận thức được yêu cầu cấp bách của thị trường và mức độ quan trọng của cơ sở dữ liệu vùng trồng, Sơn La và Điện Biên là hai tỉnh đi tiên phong về công tác thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng cà phê do chính quyền quản lý. Hai địa phương này đều rất hạn chế về dữ liệu địa chính (chiếm phần lớn khối lượng công việc trong nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng)[3]. Trong khi đó một số doanh nghiệp đã từng triển khai thu thập dữ liệu đáp ứng EUDR chưa chia sẻ hoặc số lượng dữ liệu được chia sẻ vẫn chưa đầy đủ, việc xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng cà phê do chính quyền quản lý càng trở nên quan trọng.

Trong bối cảnh thời gian gấp rút và hạn chế về nguồn lực và dữ liệu, Forest Trends đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La và Điện Biên để tiến hành thí điểm trên địa bàn 4 xã với phương pháp tiếp cận được "may đo" cụ thể cho địa bàn từng xã. Kết hợp giữa giải pháp sử dụng phần mềm thu thập dữ liệu miễn phí để thay thế các phương pháp truyền thống[4] hoặc các phương pháp khó tiếp cận cho nông hộ[5] và tận dụng nguồn nhân lực sẵn có tại địa phương, Forest Trends đồng hành cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La tiến hành hỗ trợ các xã thí điểm hoàn thiện thu thập dữ liệu vùng trồng cà phê. Từ kinh nghiệm thực tiễn với những bằng chứng từ hiện trường, Forest Trends biên soạn tài liệu này với mục đích tóm tắt cách tiếp cận mô hình tập huấn đến triển khai mở rộng trên thực địa, với những bài học kinh nghiệm để khai thác năng lực và nội lực của địa phương, đặc biệt là ở cấp xã và thôn bản.

Cần lưu ý thêm rằng, tại thời điểm tiến hành các hoạt động thí điểm trong tài liệu này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp và các trường thông tin cần thu thập để đáp ứng EUDR. Do vậy, nội dung trong phiếu thu thập thông tin về liệu vùng trồng thu thập hoàn toàn được thiết kế và quản lý bởi Sở Nông nghiệp và Môi trường hai tỉnh Điện Biên và Sơn La. Vì vậy, nội dung của tài liệu này sẽ không đi sâu về vấn đề quản lý dữ liệu và công cụ thu thập dữ liệu, bởi đây là những vấn đề cần được thảo luận trong các báo cáo nghiên cứu độc lập. Thay vào đó, tài liệu này sẽ tập trung chia sẻ kinh nghiệm tiến hành thu thập dữ liệu nhanh chóng, hiệu quả với nguồn lực và thời gian hạn chế để các địa phương khác cân nhắc áp dụng trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu, làm nền tảng cho công tác quản lý nông - lâm nghiệp bền vững và thu hút đầu tư chất lượng cao.

---

[2] Nguyen, L. (2025). Coffee Annual Report (VM2025-0018). United States Department of Agriculture. https://apps.fas.usda.gov/newgainapi/api/Report/DownloadReportByFileName?fileName=Coffee%20Annual_Hanoi_Vietnam_VM2025-0018.pdf

[3] Tô, X. P., & Dương, V. T. (2026, August). Từ xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng phục vụ truy xuất nguồn gốc và quản lý tới cơ sở dữ liệu đa tầng trong tương lai. Forest Trends.

[4] Thu thập dữ liệu bằng phiếu giấy

[5] Máy GPS cầm tay, máy RTK là các thiết bị chuyên dụng phổ biến để khoanh lô/thửa đất. Ngoài ra, hiện trên thị trường cũng có nhiều công cụ thu thập dữ liệu vùng trồng khác. Forest Trends đã thực hiện một báo cáo đánh giá 8 công cụ phổ biến nhất tại Việt Nam và thế giới (https://www.mkrg.org/vi/documents/bbd95bc0-019b-4ea9-9df4-96b534b0e1d3/vn/bao-cao-danh-gia-mot-so-cong-cu-thu-thap-dlvt-phuc-vu-thich-ung-eudr.pdf)

2. Mô hình thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng theo ba giai đoạn

Quy trình triển khai từ tập huấn đến việc sở hữu một bộ dữ liệu vùng trồng chuẩn hóa trên quy mô toàn tỉnh được khái quát hóa thành 3 giai đoạn, kết hợp giữa thí điểm theo chiều dọc và nhân rộng theo chiều ngang (Hình 1). Mỗi giai đoạn cần xác định rõ đối tượng, các bên tham gia và hoạt động cụ thể để hình thành mạng lưới kỹ thuật thông suốt từ tỉnh xuống tận nông hộ.



Hình 1. Mô hình tập huấn ba giai đoạn - Xây dựng mạng lưới hỗ trợ từ tỉnh đến nông hộ

2.1. Giai đoạn 1: Thành lập tổ công tác EUDR và tiến hành tập huấn giảng viên nguồn cấp tỉnh (TOT - Training on Trainers)

Để ràng buộc trách nhiệm và thể hiện quyết tâm chính trị cao, các tỉnh cần thành lập Tổ công tác EUDR từ cấp tỉnh (và nếu có thể) xuống cấp xã. Tổ công tác cấp tỉnh gồm các lãnh đạo, cán bộ đầu mối và một số cán bộ kỹ thuật thuộc các Chi cục chuyên trách như Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Kiểm lâm, Văn phòng Đăng ký Đất đai... Đây là lực lượng giảng viên nguồn, có nhiệm vụ tập huấn lại cho Tổ công tác cấp xã (cán bộ địa chính, nông - lâm nghiệp, ban quản lý thôn/bản) và trực tiếp hỗ trợ kỹ thuật thực địa tại cấp thôn bản khi cần thiết.

Quá trình tập huấn nên bắt đầu từ việc đào tạo giảng viên nguồn (Training on trainers - TOT). Các lớp TOT cấp tỉnh tại Điện Biên và Sơn La không chỉ bao gồm thành viên tổ công tác EUDR cấp tỉnh mà còn bao gồm lãnh đạo UBND xã, lãnh đạo phòng Kinh tế xã, các cán bộ kỹ thuật phụ trách chuyên môn thuộc các Chi cục, đơn vị, phòng ban đã nêu trên. Những cán bộ kỹ thuật này sẽ là giảng viên cho các lớp tập huấn tiếp theo tại cấp xã và cấp thôn bản.

Kinh nghiệm thí điểm tại Điện Biên và Sơn La đã cho thấy, việc tập huấn TOT cấp tỉnh cần đạt được hai mục tiêu cốt lõi như sau:

Thứ nhất là, thông suốt về mặt tư tưởng để giúp lãnh đạo địa phương hiểu rõ về nhiệm vụ, kế hoạch triển khai và đồng thuận cao với chủ trương;

Thứ hai là, làm chủ kỹ thuật cho cán bộ cấp xã: Trang bị năng lực sử dụng công cụ thực địa, kỹ năng quản lý, xử lý và làm sạch dữ liệu thô. Chương trình tập huấn TOT tại cấp tỉnh chính là cơ sở quan trọng giúp cấp xã hình dung rõ phương án tổ chức, nhân sự và điều phối thực tế trong quá trình triển khai sau này.

Để đẩy nhanh tiến độ trong điều kiện thời gian gấp rút, lớp TOT tại Sơn La được tinh giản ngắn gọn hơn nhờ tận dụng và tích hợp kết quả tập huấn từ các tổ chức quốc tế khác. Đây là bài học thực tiễn quý giá về việc lồng ghép các nguồn lực để nhanh chóng chuyển trọng tâm sang công tác thực địa tại cấp xã.

Hộp 1. Công tác thông tin, tuyên truyền đi trước một bước

Công tác vận động để người dân hiểu rõ *"vì sao phải thu thập dữ liệu tới từng lô đất"* là chìa khóa quyết định thành công của quá trình triển khai thu thập dữ liệu. Nếu không có sự hợp tác của chủ hộ, việc xác định ranh giới và xác minh thông tin lô đất trên thực địa sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Một số bài học kinh nghiệm từ các xã thí điểm:

- **Hành động của chính quyền:** UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo gửi ban quản lý các bản. Trưởng bản và Bí thư chi bộ tổ chức họp dân, giải thích rõ việc thu thập dữ liệu là để bảo vệ quyền lợi đất đai, giữ giá nông sản và bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu.
- **Kênh truyền thông trực quan:** Tận dụng tối đa loa phát thanh thôn bản, bảng tin nhà văn hóa trước, trong và sau chiến dịch để thông tin thấm sâu vào cộng đồng.
- **Thực tế tại Sơn La:** Nhờ nỗ lực truyền thông chủ động của xã, dù triển khai vào đúng mùa gặt lúa, người dân tại các xã Nậm Lầu, Mường Chanh vẫn sẵn sàng dành ra 15 - 20 phút mỗi hộ để phối hợp cùng tổ công tác đo đạc ranh giới và cung cấp thông tin sản lượng.

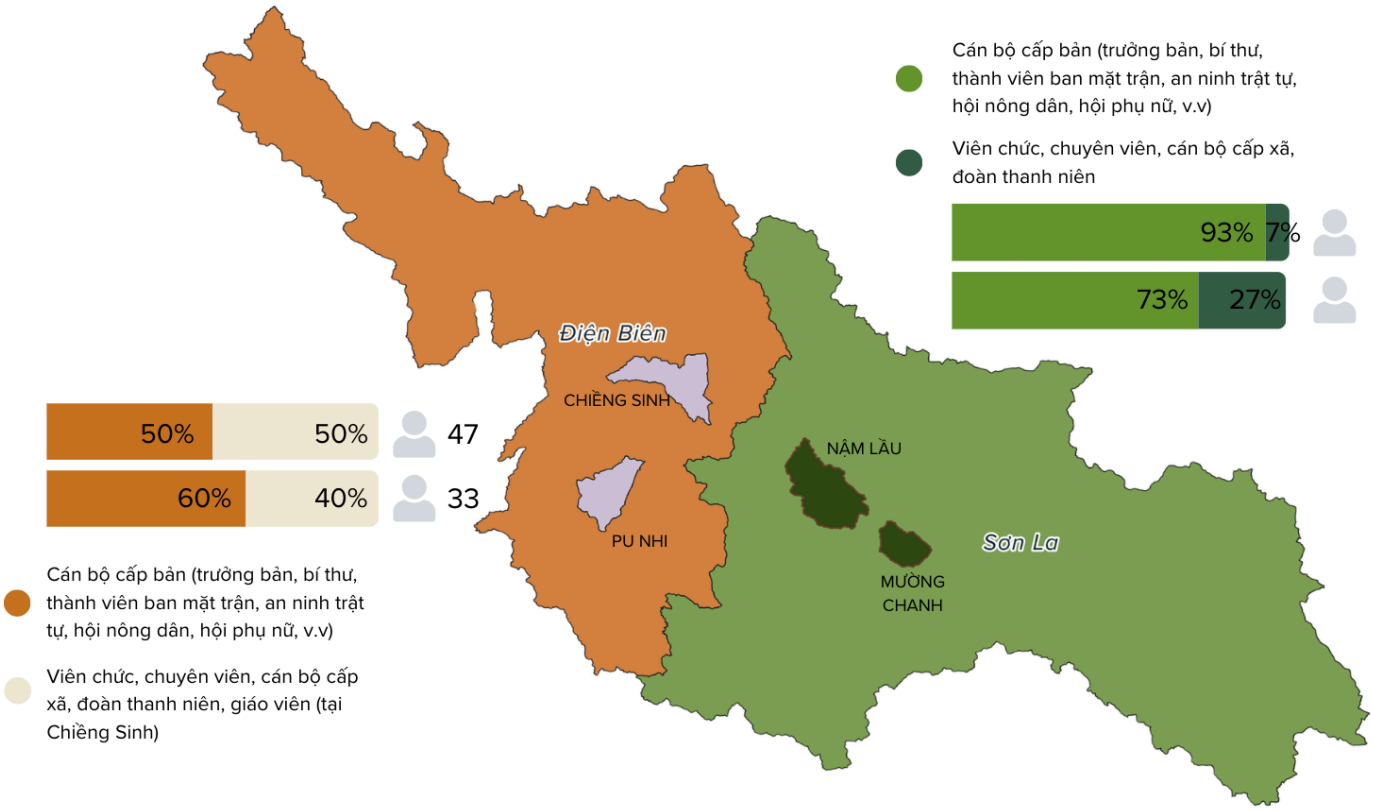


Hình 2. Học viên lớp tập huấn (giáo viên mầm non "cắm bản") giới thiệu về quá trình thu thập dữ liệu vùng trồng tới từng lô cà phê cho các hộ dân bản Đông Thắp, xã Chiềng Sinh, tỉnh Điện Biên

2.2. Giai đoạn 2: Tập huấn cầm tay chỉ việc, tạo kết quả thực tế theo chiều dọc tại cấp xã và thôn/bản

Trong điều kiện lý tưởng, quy trình sẽ đi từ TOT cấp xã (đào tạo cho cán bộ xã, ban quản lý bản) rồi mới đến TOF (tập huấn cho nông dân) tại từng thôn bản. Tuy nhiên, bối cảnh tinh gọn bộ máy trong nửa đầu năm 2026 khiến chính quyền cấp xã chịu áp lực công việc rất lớn, không thể kéo dài thời gian tập huấn. Do đó, với tình hình gấp rút về thời gian và nguồn lực hạn chế, mô hình tối ưu được áp dụng là tích hợp TOT và TOF tại cấp xã.

Lớp tập huấn tại cấp xã sẽ do các giảng viên nguồn cấp tỉnh trực tiếp hướng dẫn theo hình thức "cầm tay chỉ việc" ngay trên thực địa. Tùy vào quy mô diện tích vùng trồng, mỗi xã có thể tổ chức từ 1 đến 3 lớp tập huấn (Hình 3). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, nếu xã muốn tổ chức tập huấn theo cụm bản (ví dụ như trường hợp xã Nậm Lầu và xã Mường Chanh, tỉnh Điện Biên), cần lựa chọn các bản gần nhau về mặt địa lý để thuận tiện cho việc đi lại của học viên và giúp UBND xã dễ dàng giám sát, điều phối hoạt động thu thập dữ liệu sau tập huấn.



Hình 3. Tổng quan về cơ cấu học viên và số lượng học viên tham gia các lớp tập huấn tại 4 xã thí điểm; Trong đó, xã Chiềng Sinh và xã Pu Nhi (tỉnh Điện Biên) tổ chức 1 lớp/xã, xã Nậm Lầu và xã Mường Chanh (tỉnh Sơn La) tổ chức (lần lượt là) 3 lớp và 2 lớp.

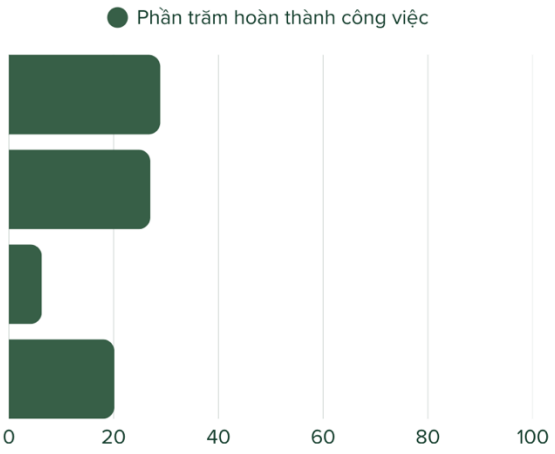
Hình 4 tóm tắt cách tổ chức một lớp tập huấn, mỗi lớp kéo dài khoảng 3 ngày (bao gồm cả thời gian dự phòng thời tiết xấu - đặc biệt có khả năng xảy ra tại các vùng có thời tiết thường xuyên thay đổi trong mùa mưa như Sơn La và Điện Biên). Nhìn chung, mỗi lớp tập huấn chỉ nên giới hạn trong khoảng 40-50 học viên để đảm bảo tính hiệu quả khi làm việc nhóm trên hiện trường. Khi ra thực địa, lớp sẽ chia thành 4 nhóm để thu thập dữ liệu trên 4 khu vực độc lập, tránh chồng lấn dữ liệu.

Thời gian	Hoạt động
Sáng ngày 1: Lý thuyết và thực hành thử	• Học viên tìm hiểu về quy định EUDR. • Hướng dẫn cài đặt và sử dụng ứng dụng thu thập dữ liệu trong phòng và thực hành thử ngoài sân. • Thiết lập nhóm trao đổi trực tuyến (Zalo) để giữ liên lạc liên tục. Các nhóm zalo lớp tập huấn này sẽ trở thành mạng lưới hỗ trợ kỹ thuật lâu dài của xã.
Chiều ngày 1: Chia nhóm để bắt đầu đi thực địa	• Lớp chia thành 4 tổ. Mỗi tổ gồm 1 giảng viên, 1 tổ trưởng và 1 tổ phó (hai người này cần là người địa phương, thông thuộc địa bàn) và các học viên. • Thực hiện đo vẽ thực tế theo danh sách nông hộ đã chuẩn bị sẵn. Buổi thực địa đầu tiên không nên tiến hành quá vội vàng, cần ưu tiên chất lượng (phương pháp làm việc nhóm và cách sử dụng phần mềm trên thực tế) thay vì số lượng. • Cuối ngày: Họp rút kinh nghiệm, giải quyết các vướng mắc phát sinh và thống nhất kế hoạch ngày tiếp theo.
Sáng ngày 2: Phối hợp nhóm nhỏ tại thực địa	• Tổ trưởng phân công học viên di chuyển theo cặp (hoặc nhóm 3 người) để hỗ trợ nhau tại các khu vực sóng yếu. • Giảng viên giám sát tiến độ trên hệ thống quản lý trực tuyến để phát hiện sớm các lỗi kỹ thuật (vẽ lệch, đè ranh giới) và yêu cầu sửa ngay tại chỗ.
Chiều ngày 2 + Sáng ngày 3: Tự chủ triển khai	• Tới thời điểm này, hầu hết học viên đã quen việc và có sự tự tin nhất định, có thể chủ động đo vẽ dưới sự điều phối của tổ trưởng và cán bộ xã.
Chiều ngày 3: Tổng kết & Hoàn thiện dữ liệu của lớp tập huấn	• Tiếp tục tiến hành công việc tới khi hết thời gian. • Họp tổng kết toàn lớp, đúc kết bài học kinh nghiệm để chuẩn bị cho giai đoạn mở rộng diện rộng trên toàn địa bàn xã.

Hình 4. Tóm tắt lịch trình hoạt động của một lớp tập huấn

Số liệu thống kê sơ bộ từ 4 xã thí điểm chỉ ra một thực tế quan trọng: số lượng học viên tham gia tập huấn không tỷ lệ thuận với diện tích dữ liệu thu thập được. Điều này khẳng định việc huy động ồ ạt nhân lực ra thực địa không phải là yếu tố quyết định tới chất lượng của dữ liệu và tính hiệu quả trong công tác triển khai thu thập dữ liệu sau này (Giai đoạn 3). Thay vào đó, cách thức tổ chức làm việc nhóm khoa học, sự sát sao của chính quyền và tinh thần chủ động của cộng đồng và đặc biệt là các học viên trong lớp tập huấn mới là chìa khóa mang lại kết quả vượt trội cả về lượng và chất. Minh chứng cụ thể từ địa bàn các xã thí điểm như sau: Xã Chiềng Sinh (Điện Biên) và xã Nậm Lầu (Sơn La) có số lượng học viên tham gia tập huấn đông hơn các xã đối chứng trong cùng tỉnh từ 1,3 đến 1,4 lần. Tuy nhiên, diện tích cà phê đo vẽ được tại Chiềng Sinh lại cao gấp 5 lần so với xã Pu Nhi (Điện Biên). Ngược lại, xã Mường Chanh (Sơn La) dù có ít học viên hơn vẫn thu thập được diện tích nhiều gần gấp đôi so với Nậm Lầu (Hình 5).

Xã	Số lô	Diện tích đã thu thập (ha)	Tổng diện tích mục tiêu (tổng diện tích cà phê, ha)
Chiềng Sinh	**846**	209	**718,8**
Pu Nhi	120	76	284,66
Nậm Lầu	1.477	341	5.368
Mường Chanh	1.102	602	2.989,4



Hình 5. Kết quả tạm tính (chưa qua làm sạch dữ liệu) của các lớp tập huấn tại Điện Biên và Sơn La (kết quả được tính tới thời điểm kết thúc 3 ngày tập huấn)

Cũng cần phải nói thêm là, những con số cơ học kể trên còn ẩn chứa tính chất đặc thù của địa bàn chứ không chỉ đại diện cho mức độ tích cực của từng địa phương hay của học viên. Ví dụ, xã Nậm Lầu có số lượng lô đất đo vẽ được cao nhất trong cả 4 xã thí điểm. Nhưng do địa hình chia cắt, các lô cà phê tại đây có diện tích rất nhỏ và phân tán, khiến các nhóm học viên mất nhiều thời gian di chuyển và không thể đẩy nhanh tiến độ tính theo diện tích (héc-ta). Vì thế, trong quá trình tham gia tập huấn, các tổ học viên thường xuyên phải thích ứng theo tình huống thực tế, di chuyển liên tục từ khu vực này sang khu vực khác để tránh lãng phí thời gian "ngồi chờ" chủ hộ tới xác minh ranh giới nương (đọc thêm chi tiết ở Hộp 2).

Quá trình triển khai thí điểm từ Điện Biên sang Sơn La là một hành trình tự hoàn thiện liên tục của đội ngũ Forest Trends cùng cán bộ địa phương. Các lớp tập huấn sau luôn kế thừa và rút kinh nghiệm sâu sắc từ những hạn chế của các lớp trước. Nhờ vậy, Mường Chanh - xã triển khai tập huấn cuối cùng - đã đạt được kết quả ấn tượng nhất với tỷ lệ vẽ sai lệch, vẽ chồng lấn ranh giới ở mức thấp nhất, giúp giảm thiểu tối đa áp lực xử lý và làm sạch số liệu ở giai đoạn sau.

Hộp 2. Một số bài học kinh nghiệm để nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả lớp tập huấn

Đặt mục tiêu cụ thể, dễ hình dung và dễ định lượng để tạo động lực cho học viên: Ví dụ: *Mỗi học viên cần hoàn thành đo vẽ tối thiểu 1 ha dữ liệu chuẩn sau 3 ngày tập huấn.*

Chuẩn bị kỹ trước khi ra thực địa: Danh sách nông hộ, số điện thoại, phân vùng bản để phân chia cho các nhóm nhỏ học viên phải được chuẩn bị sẵn sàng trước ngày tập huấn.

Cơ chế điều phối linh hoạt trên thực địa: Thực tế luôn có tình huống phát sinh (ví dụ: nhóm này gặp nhiều chủ hộ hơn nhóm khác). Mỗi nhóm lớn cần bầu ra 1 tổ trưởng và 1 tổ phó để chủ động điều phối, luân chuyển học viên hỗ trợ nhau kịp thời, tránh tình trạng "người ngồi không, người làm không xuể".

Tận dụng nguồn nhân lực đặc thù tại địa phương:

- *Lực lượng giáo viên mầm non "cắm bản":* Những người rất am hiểu địa bàn, có uy tín và mối quan hệ tốt với người dân (kinh nghiệm tại xã Chiềng Sinh, tỉnh Điện Biên).
- *Đoàn thanh niên và sinh viên nghỉ hè:* Lực lượng trẻ, tiếp thu công nghệ cực nhanh và rất năng nổ (kinh nghiệm tại xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La)

2.3. Giai đoạn 3: Triển khai diện rộng theo chiều ngang

Sau tập huấn, UBND xã cần chính thức phát động chiến dịch hoàn thành dữ liệu vùng trồng toàn xã. Ban quản lý các bản đóng vai trò chủ trì, phân công cụ thể từng cụm hộ cho các học viên của lớp tập huấn và trực tiếp theo dõi tiến độ trên bản đồ số. Hầu hết các công cụ thu thập dữ liệu thông thường sẽ cho người quản lý hoặc những người tham gia khảo sát theo dõi tiến độ thực hiện trên giao diện bản đồ vệ tinh. Khi phát hiện các lô đất bị chồng lấn ranh giới hoặc sai lệch diện tích, ban quản lý bản và cán bộ kỹ thuật cấp xã có trách nhiệm đôn đốc, hỗ trợ học viên cùng người dân ra thực địa để đo vẽ, hiệu chỉnh lại tọa độ đa giác (polygon) của lô đất (Hình 6).



Hình 6. Ví dụ một số lô cần phải thực hiện vẽ lại do ranh giới chưa khớp hoặc chồng lấn lên nhau

Các ban quản lý bản cũng có trách nhiệm tiến hành thu thập dữ liệu giúp các hộ trong bản (trong trường hợp các hộ không có người trẻ thành thạo công nghệ) hoặc tập huấn "cầm tay chỉ việc" cho nông hộ nếu có thể, để bà con có thể trực tiếp tham gia, tự thu thập dữ liệu cho lô cà phê của chính mình (Hình 7).





Hình 7. (Trái) Học viên tại xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La đang tổ chức tập huấn, hướng dẫn cách sử dụng phần mềm cho bà con các hộ trồng cà phê tại bản Nong Ten; (Phải) một nhóm học viên khác của xã Nậm Lầu đang đi thực địa để thu thập dữ liệu cho bản Nà Kẹ

Trong quá trình tập huấn cấp xã, giảng viên sẽ lựa chọn những học viên xuất sắc, nhiệt tình và sử dụng thiết bị thành thạo để thành lập các "Tổ công tác lưu động". Các tổ này sẽ là nhân lực tăng cường, hỗ trợ thêm cho các bản có diện tích cà phê quá lớn hoặc năng lực còn hạn chế.

Mô hình triển khai trên xã thí điểm sẽ là những bài học kinh nghiệm vô cùng hữu ích để nhân rộng theo chiều ngang sang những xã khác. Các tổ công tác lưu động và các ban quản lý bản có thành tích tốt sẽ là những "đại sứ" tốt nhất để tuyên truyền, hướng dẫn, và tham gia tập huấn "cầm tay chỉ việc" cho các thôn, bản thuộc các xã khác. Ví dụ như tại xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La, một số học viên là trưởng bản đã sử dụng cụm từ "làm giấy khai sinh cho lô cà phê" để giải thích cho bà con trong bản về mục đích và tầm quan trọng của việc thu thập dữ liệu của từng lô cà phê. Cách giải thích hết sức dễ hiểu, đi vào trọng tâm như vậy là những sáng kiến mà ít có chuyên gia hay giảng viên nào nghĩ tới. Điều này càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xã hội hoá quá trình thu thập dữ liệu vùng trồng để người dân được chủ động tham gia và được trao quyền trong quá trình hình thành kiến thức và nâng cao năng lực.

Hộp 3. Xử lý và làm sạch dữ liệu

Kiểm tra thời gian thực: Cán bộ kỹ thuật cấp xã và cấp tỉnh cần liên tục theo dõi hệ thống quản lý dữ liệu trực tuyến trong suốt quá trình thu thập để phát hiện lỗi vẽ ranh giới chồng lấn, sau đó thông báo ngay cho lực lượng thực địa sửa đổi tại chỗ, giảm tải áp lực xử lý số liệu thô sau này.

Phân cấp quản lý: Cán bộ cấp xã quản lý dữ liệu trên địa bàn xã; cán bộ cấp tỉnh tổng hợp toàn tỉnh. Cần phối hợp với các chuyên gia kỹ thuật để xây dựng tính năng phân quyền, cho phép người dân và ban quản lý bản truy cập, tra cứu dữ liệu của chính mình nhằm tăng tính minh bạch và làm chủ thông tin. Mạng lưới cán bộ kỹ thuật và giảng viên nguồn cấp tỉnh và cấp xã cần liên tục hỗ trợ kỹ thuật (gồm các vấn đề về phần mềm thu thập trên điện thoại, các vấn đề về quyền lợi liên quan tới EUDR, v.v) cho các học viên và nông hộ trong quá trình triển khai

Đánh giá rủi ro lâm nghiệp: Chủ động chồng lớp dữ liệu vùng trồng vừa thu thập được với dữ liệu bản đồ 3 loại rừng của tỉnh để phát hiện sớm các vùng trồng có rủi ro lấn chiếm đất rừng, giúp doanh nghiệp và chính quyền có phương án xử lý chủ động.

3. Một số khó khăn, tồn tại và định hướng khắc phục

Hoạt động thu thập dữ liệu vùng trồng - trong bối cảnh còn thiếu hụt cả về thông tin, hạ tầng lẫn hướng dẫn chính thức - đã đặt ra không ít khó khăn và thách thức cho hai tỉnh. Phần lớn các thách thức này xoay quanh hai yếu tố chính: công cụ thu thập dữ liệu và kỹ năng điều phối thực địa ở quy mô cấp xã (ví dụ, mỗi xã tại Sơn La đã ghi nhận hàng trăm người dân cùng tham gia triển khai thu thập dữ liệu trên thực địa trong giai đoạn triển khai diện rộng).

Về công cụ thu thập dữ liệu, qua ba tháng đồng hành cùng bốn xã thuộc hai tỉnh, chúng tôi nhận thấy công cụ được áp dụng[6] vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều tính năng chỉ bộc lộ lỗi kỹ thuật hoặc sự bất cập khi tiến độ thu thập dữ liệu gia tăng nhanh chóng cả về quy mô lẫn độ phức tạp. Việc sử dụng một công cụ miễn phí càng làm gia tăng khó khăn, bởi cả nhóm nghiên cứu lẫn các tỉnh đều không có thẩm quyền hay quyền sở hữu đối với thiết kế và việc nâng cấp công nghệ để kịp thời đáp ứng các nhu cầu phát sinh từ thực địa. Thách thức lớn này buộc hệ thống quản lý cấp xã, với sự hỗ trợ của Forest Trends, phải linh hoạt thích ứng thông qua các giải pháp tổ chức và quản lý.

Ví dụ, tại xã Nậm Lầu, tính đến hết ngày 04/08/2026, số lượng lô đất được thu thập đã đạt hơn 9.500 lô (tương ứng khoảng 50% diện tích trồng cà phê của toàn xã). Mặc dù tổng số lô chưa vượt quá hạn mức tối đa do nhà phát triển phần mềm thiết lập cho mỗi bộ dữ liệu (10.000 lô), nhưng một số tính năng - điển hình là việc xem, theo dõi các lô được thu thập theo thời gian thực và xóa bỏ các lô bị sai sót - đã bộc lộ khó khăn về mặt vận hành. Trước tình hình đó, Forest Trends đã hỗ trợ chính quyền xã Nậm Lầu thực hiện giải pháp chia nhỏ bộ dữ liệu theo từng cụm bản. Cách tiếp cận này giúp giảm tải cho phần mềm, đảm bảo hệ thống có thể truy xuất và xử lý thông tin một cách ổn định. Về bản chất, dù dữ liệu bị phân tách ở khâu thu thập nhưng hoàn toàn có thể gộp lại để làm sạch và tổng hợp phục vụ công tác báo cáo. Tuy nhiên, giải pháp này lại làm phát sinh thêm các bước trong quy trình vận hành. Điều đó đòi hỏi cán bộ cấp xã không chỉ cần nâng cao kỹ năng làm sạch và quản lý dữ liệu, mà còn phải chủ động kiểm soát toàn bộ tiến trình thu thập nhằm tránh nguy cơ chồng lấn (overlap) giữa các bộ dữ liệu khác nhau. Quá trình này vô hình trung đã trở thành cơ hội nâng cao năng lực cho chính quyền và cán bộ cấp xã, giúp họ rèn luyện kỹ năng về kỹ thuật và tăng cường tính chủ động trong quản trị địa phương.

Cho đến khi Việt Nam hoàn toàn làm chủ hoặc đầu tư ngân sách cho một công cụ thu thập; đồng thời quy trình thu thập, làm sạch và quản lý dữ liệu được tối ưu hoá và chuẩn hóa theo bối cảnh trong nước, những bất cập về mặt công nghệ như trên vẫn có khả năng tiếp tục phát sinh. Cần xác định rõ rằng, công nghệ không phải là 'chiếc chìa khóa vạn năng' giải quyết mọi bài toán thu thập và quản lý dữ liệu, nhất là đối với mảng dữ liệu có tính chiến lược và nhạy cảm như dữ liệu vùng trồng.

[6] *Công cụ Open Foris Ground do tổ chức Nông lương thế giới (FAO) phát triển. https://www.openforis.org/ground/*

4. Kết luận

Quá trình triển khai thí điểm tại 4 xã thuộc tỉnh Điện Biên và Sơn La khẳng định rằng phương pháp thu thập dữ liệu vùng trồng dựa vào cộng đồng là một hướng đi đúng đắn, tuy vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để nâng cao hơn nữa hiệu quả và độ chính xác của dữ liệu. Để kiểm soát tốt chất lượng dữ liệu đầu ra, các địa phương cần tính đến và chủ động phương án ứng phó với hàng loạt yếu tố đặc thù trên thực địa như: địa hình chia cắt, thời tiết diễn biến thất thường, mức độ kỹ lưỡng trong công tác chuẩn bị trước khi ra hiện trường, năng lực quản lý, điều phối của chính quyền cấp xã, cũng như kỹ năng làm việc nhóm thực tế của các học viên.

Dù vậy, thực tiễn từ các lớp tập huấn tại 4 xã thí điểm đã chứng minh một cách thuyết phục rằng: nội lực của hệ thống chính trị cấp xã, thôn bản và cộng đồng địa phương là nguồn lực vô cùng mạnh mẽ và đáng tin cậy. Dù người dân vẫn cần được tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên để củng cố và nâng cao năng lực công nghệ, tiềm năng tự chủ của họ là rất lớn. Minh chứng thực tế từ nhiều thôn bản tại xã Nậm Lầu và xã Mường Chanh (tỉnh Sơn La) cho thấy, nhiều thành viên trong Ban quản lý bản đã từng được các doanh nghiệp thu mua, chế biến cà phê xuất khẩu thuê khoán để trực tiếp đo đạc, xây dựng dữ liệu vùng trồng tới từng lô đất của từng nông hộ cho các doanh nghiệp này. Điều này một lần nữa khẳng định năng lực sẵn có và khả năng đáp ứng nhanh chóng của nhân lực địa phương khi được định hướng và trao quyền phù hợp.

Trong bối cảnh thời hạn thực thi Quy định EUDR của Liên minh Châu Âu đang cận kề, xã hội hóa công tác thu thập dữ liệu vùng trồng dựa vào cộng đồng là giải pháp khả thi nhất, tiết kiệm chi phí nhất và mang tính bền vững nhất đối với các tỉnh miền núi có nguồn lực và ngân sách hạn chế. Hơn nữa, mô hình này hoàn toàn không bị giới hạn ở cây cà phê mà có thể mở rộng áp dụng cho tất cả các loại cây trồng chủ lực khác chịu ảnh hưởng bởi EUDR như cao su, gỗ, hay các loại cây ăn quả, cây công nghiệp (như mắc ca) để phục vụ công tác quản lý nhà nước một cách chiến lược. Trên thực tế, ngay trong quá trình thí điểm, tỉnh Điện Biên đã lồng ghép việc thu thập dữ liệu để số hóa diện tích cà phê trồng xen mắc ca, đồng thời dự kiến mở rộng mô hình này sang cả ngành chăn nuôi.

Hơn cả một giải pháp ứng phó thương mại mang tính tình thế, phương pháp tiếp cận này là chìa khóa để địa phương tiến tới làm chủ công nghệ và sở hữu dữ liệu sạch. Việc nâng cao năng lực tự chủ cho người nông dân và cộng đồng địa phương không chỉ giúp bảo vệ sinh kế bền vững mà còn nâng cao vị thế thương lượng, khẳng định uy tín và trách nhiệm của nông sản Việt Nam trên chuỗi cung ứng toàn cầu.

FOREST TRENDS

Mọi phản hồi và câu hỏi, vui lòng gửi đến email: **mekongrg@gmail.com**

Để biết thêm thông tin về các báo cáo khác, vui lòng truy cập website: **mkrg.org** hoặc quét mã QR

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Vương quốc Anh. Các thông tin đưa ra trong tài liệu này là của tác giả và không phản ánh quan điểm của Forest Trends và nhà tài trợ.

UKaid from the British people